

Số: 59/2011/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2011

## **THÔNG TƯ**

### **BAN HÀNH DANH MỤC BỔ SUNG PHÂN BÓN ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM**

*Căn cứ Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hoá ngày 21/11/2007;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP, ngày 03 tháng 1 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07/10/2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón; Nghị định số 191/2007/NĐ-CP ngày 31/12/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07/10/2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;*

*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam,*

#### **Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này

1. Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam (Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này) gồm 262 loại, được chia thành:

- a. Phân khoáng đơn: 01 loại;
- b. Phân hữu cơ: 03 loại;
- c. Phân vi sinh vật: 04 loại;
- d. Phân hữu cơ vi sinh: 22 loại;
- đ. Phân hữu cơ sinh học: 12 loại;
- e. Phân hữu cơ khoáng: 37 loại;
- g. Phân bón lá: 182 loại;
- h. Phân bón có bổ sung chất tăng hiệu suất sử dụng phân bón: 01 loại.

2. Danh mục các loại phân bón đã có tên trong Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam nhưng có sự thay đổi về tên, tổ chức, cá nhân đăng ký (Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này), gồm 78 loại, được chia thành:

- a. Phân hữu cơ: 02 loại;
- b. Phân vi sinh vật: 04 loại;
- c. Phân hữu cơ vi sinh: 03 loại;
- d. Phân hữu cơ sinh học: 17 loại;
- đ. Phân hữu cơ khoáng: 09 loại;
- e. Phân bón lá: 41 loại;
- g. Phân bón đất hiếm: 02 loại.

**Điều 2.** Tổ chức, cá nhân được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng các loại phân bón tại Danh mục bổ sung này khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 của Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón; quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định 191/2007/NĐ-CP ngày 31/12/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón.

**Điều 3.** Thông tư này có hiệu lực thi hành sau bốn mươi lăm ngày kể từ ngày ký ban hành. Thông tư này thay thế Quyết định số 55/2006/QĐ-BNN ngày 7/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành "Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam".

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- VP Chính phủ;
- Công báo Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Tổng cục Hải quan- Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ NN & PTNT;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN & PTNT;
- Lưu: VT, TT.

**Bùi Bá Bổng**

**FILE ĐƯỢC ĐÍNH KÈM THEO VĂN BẢN**



Phu lục